

đồng chí thuộc diện phải xử lý). Cuối năm 1995, Đảng bộ huyện Kim Bảng cấp 2 giấy chứng nhận ghi nhận Đảng bộ xã Nguyễn Úy hoàn thành chương trình phổ cập lý luận chính trị và Đảng bộ trong sạch vững mạnh 5 năm liền.

III - ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN NGUYỄN ÚY TRONG THỜI KỲ PHÁT TRIỂN MỚI - ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng Sản Việt Nam (tháng 7-1996) đã tổng kết 10 năm đổi mới và chỉ ra những định hướng lớn cho cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Nắm vững và vận dụng sáng tạo những quan điểm của Đại hội VIII, của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 21, Đảng bộ xã Nguyễn Úy có Nghị quyết Đại hội lần thứ 23 (tháng 8-1995) và Nghị quyết Đại hội bất thường (11-1997), cụ thể hóa thành 4 mục tiêu, 7 nhiệm vụ cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm của xã ta.

Nếu giai đoạn 1991 - 1995 xã ta đổi mới, khởi sắc thực sự, thì từ năm 1996 đến nay, xã ta đang tiến mạnh, tiến vững chắc trên tất cả các lĩnh vực. Bước tăng trưởng kinh tế liên tục trong 3 năm 1993 - 1995 đã tạo thêm thế và lực để xã ta tiến vào thời kỳ phát triển mới. Cả xã đang trở mình tiến nhanh về phía trước với những kết quả đầy khích lệ.

Năng suất lúa của xã ta năm 1996 đạt 80 tạ/ha, năm 1997 đạt 93,2 tạ/ha, năm 1998 đạt 108,4 tạ/ha là một trong những xã có năng suất lúa cao nhất huyện. Năm 1996, lương thực bình quân đầu người đạt 599 kg, thu nhập bình quân đầu người đạt 1,6 triệu đồng. Năm 1998, tổng sản lượng lương thực đạt 4.465 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 676 kg (mức đạt cao nhất từ trước đến nay). Người nông dân xã ta đã làm quen với cơ chế kinh tế mới, rất năng động, quan tâm chuyển dịch mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, bảo đảm “trồng cây gì, nuôi con gì, đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất”. Một số hộ xã viên chuyển hướng chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp. Kinh tế hộ gia đình được hướng dẫn, giúp đỡ, khuyến khích phát triển. Tính riêng năm 1996, toàn xã có 223 hộ nông dân được vay

980 triệu đồng (lãi xuất 1,2% - 1,7%) để phát triển sản xuất.

Từ năm 1996 đến nay, xã nhà đầu tư xây dựng nhiều công trình phục vụ sản xuất và đời sống, trong đó 2 công trình lớn là trạm y tế (123,5 triệu đồng) và nước sạch tập trung (247 triệu đồng). Hai năm 1996, 1997 vốn xây dựng cơ bản đã quyết toán là 850,5 triệu đồng, trong đó nhân dân đóng góp 187,16 triệu đồng. Nếu tính 7 năm (1991 - 1997), toàn xã đầu tư xây dựng cơ bản hết 2.077 triệu đồng, trong đó vốn cấp trên hỗ trợ : 127,6 triệu đồng, ngân sách xã 1.026,7 triệu đồng, nhân dân đóng góp 771,7 triệu đồng, hiện còn nợ 151, 16 triệu đồng. Ngoài công trình nước sạch, trạm y tế, hai năm qua xã ta còn xây dựng hàng chục công trình khác (mẫu giáo Thường Khê, xóm 3, 2 phòng học cấp 2 mái bằng, nghĩa trang liệt sỹ, xây dựng chợ, nhà làm việc ủy ban...). Tính đến tháng 5-1998, về điện, Nguyễn Úy có 3 trạm hạ thế, 10 km đường dây hạ thế, 5 km đường dây cao thế, 1.671 hộ sử dụng điện lưới. Ngoài các công trình ở xã, hợp tác xã quản lý xây dựng, thanh toán, quyết toán, nhân dân 5 thôn còn tự nguyện đóng góp làm đường làng, ngõ xóm... do xóm, thôn thu, chi, thanh toán với số tiền lên đến hàng tỷ đồng. Tất cả những công trình điện,

đường, trường học, trạm xá, trạm bơm, trạm cấp nước sạch, hệ thống truyền thanh... được xây dựng trong những năm qua không chỉ phục vụ đắc lực cho sản xuất, đời sống, văn hóa hiện tại mà còn có ý nghĩa, tác dụng cho những thế hệ mai sau.

Đảng bộ chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách xã hội, khắc phục những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường. Với truyền thống đạo lý “thương người như thể thương thân”, “lá lành đùm lá rách”, năm 1996, toàn xã đã huy động được 24,5 triệu đồng với hàng trăm ngày công giúp 21 hộ thay nhà lợp rạ bằng nhà mái ngói, bảo đảm 100% số hộ trong xã có nhà lợp ngói.

Kinh tế phát triển, Nguyễn Úy chú ý đến công tác giáo dục và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Cả 3 ngành học phát triển đồng đều. Năm 1996, giáo dục xã ta xếp thứ 3 trong huyện, riêng giáo dục mầm non tiếp tục giữ vững danh hiệu đơn vị lá cờ đầu trong huyện, được Bộ giáo dục - đào tạo và Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Hà tặng Bằng khen. Trong 3 năm học 1995 - 1997, 1997 - 1998, 1998 - 1999, bình quân mỗi năm xã ta thu nhận 539/727 các cháu trong độ tuổi vào các lớp mầm non, 863 học sinh tiểu học, 623 học sinh trung học cơ sở. Trạm y tế tổ chức khám bệnh, cấp

thuốc cho người cao tuổi ở các thôn xóm. Công tác vệ sinh công cộng, vệ sinh môi trường được toàn dân tham gia. Các thôn xóm đều có tủ thuốc. Kế hoạch tiêm chủng mở rộng, uống Vitamin, uống vi chất, xā ta đều hoàn thành kế hoạch. Tỷ lệ phát triển dân số duy trì ở mức 1,4%.

Công tác quân sự địa phương và an ninh có thêm nhiều tiến bộ mới. Ngoài việc hoàn thành kế hoạch khám tuyển, giao quân, huấn luyện, Đảng bộ tổ chức thực hiện 2 pháp lệnh dân quân tự vệ và dự bị động viên. Hoạt động của Ban, tiểu ban hòa giải đạt hiệu quả, thực hiện xây dựng thôn xóm bình yên, gia đình hạnh phúc, tự hòa giải được vướng mắc, giữ được hòa khí trong dân. Thôn xóm còn triển khai xây dựng các quy ước văn hóa nhằm xây dựng nông thôn mới, bài trừ các hủ tục, lạc hậu.

Mặt trận Tổ quốc phát động phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư. 100% số gia đình đăng ký xây dựng gia đình văn hóa theo 5 nội dung mặt trận phát động. 7 cơ sở trong xā đều tổ chức câu lạc bộ người cao tuổi với các hình thức sinh hoạt phong phú. Năm 1997, mặt trận đã tổ chức học tập và phát thẻ hội viên người cao tuổi trong toàn xā.

Hội phụ nữ đẩy mạnh các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ, dân số - kế hoạch hóa gia đình, nuôi con khỏe, dạy con ngoan phủ muối I-ốt... Hội đã xây dựng quỹ giúp nhau phát triển sản xuất có giá trị 7,2 triệu đồng và 2.510 kg thóc.

Đoàn thanh niên thu hút được nhiều thanh niên vào hoạt động xã hội, văn hóa, văn nghệ, xung kích trong lao động sản xuất. Sơ kết 5 năm phong trào thanh niên lập nghiệp, cán bộ và đoàn viên xã ta được Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng Bằng khen.

Đại hội Đảng bộ xã lần thứ 23 đã kiện toàn Ban chấp hành gồm 13 đồng chí, chủ yếu là đảng viên trẻ, có trình độ văn hóa hết cấp 2 trở lên, 40% có trình độ trung, sơ cấp về quản lý kinh tế - xã hội. Đội ngũ cán bộ xã, hợp tác xã, thôn xóm trưởng cũng được củng cố theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ III Ban chấp hành Trung ương (Khóa VIII) về công tác cán bộ. Ban chấp hành Đảng bộ đoàn kết, xóa đi những mặc cảm, cục bộ vùng miền phát huy trí tuệ của tập thể, của nhân dân, tạo nên sức mạnh mới để Nguyễn Úy thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Hai năm qua, quán triệt phương châm chỉ đạo của huyện, với chủ trương

Tổng kết phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, liên tục 2 năm liền (năm 1996 - 1997) và 6 tháng đầu năm 1998. Nguyễn Úy được xếp loại tiên tiến xuất sắc. Tháng 3-1998, Huyện ủy công nhận Đảng bộ xã Nguyễn Úy đạt danh hiệu vững mạnh xuất sắc.

Với những kết quả của hơn 10 năm đổi mới, đặc biệt từ năm 1996, quê hương Nguyễn Úy đang chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nội lực của Nguyễn Úy chính là con người. Biết khơi dậy và phát huy truyền thống của cha anh, cần cù, đoàn kết, sáng tạo, khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của địa phương, nhất định Nguyễn Úy sẽ thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.

KẾT LUẬN

Từ khi ra đời, trải qua 68 năm, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân cả nước tiến hành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ để giành độc lập dân tộc và ngày nay đang lãnh đạo công cuộc đổi mới vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.

Trong suốt gần 7 thập kỷ vừa qua, Đảng bộ, nhân dân Nguyễn Úy luôn kế thừa phát huy sức mạnh truyền thống yêu nước kiên cường, bất khuất của cha ông, vượt qua mọi gian khổ, hy sinh trong cuộc đấu tranh sinh tử với kẻ thù, đưa sự nghiệp cách mạng ở địa phương từng bước giành thắng lợi và góp phần vào những chiến công vĩ đại của dân tộc.

Nguyễn Úy có vị trí quan trọng đã được chọn làm địa điểm thành lập chi bộ Đảng thứ 2 của Kim Bảng, đã một thời là an toàn khu của Xứ ủy, của Liên Tỉnh ủy C... Trong thời kỳ bị chiếm đóng, bột Cát Nguyên, bột Phù Lưu trở thành trung tâm chỉ huy về chính trị, quân sự của địch

để dần áp phong trào cách mạng của nhân dân các xã Lê Hồ, Tượng Lĩnh, Đội Bình, Đại Hùng, Đại Cường... Thực dân Pháp được sự tiếp tay của bọn phản động đã liên tục tiến hành triệt phá cơ sở cách mạng, khủng bố dã man những chiến sĩ cộng sản và quần chúng yêu nước hòng thủ tiêu tinh thần cách mạng của nhân dân Nguyễn Úy. Sớm ra đời trên vùng đất có truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm, chi bộ Đảng Cộng sản thứ 2 của Kim Bông nhanh chóng xây dựng Nguyễn Úy thành cái nôi của phong trào cách mạng trong huyện. Những yếu tố đó đã tạo ra những thuận lợi cơ bản cho phong trào cách mạng, đồng thời cũng đặt ra những thử thách vô cùng khắc nghiệt suốt chiều dài lịch sử cuộc đấu tranh giải phóng của Đảng bộ và nhân dân Nguyễn Úy. Trong những năm trực tiếp đương đầu với quân Pháp xâm lược, Đảng bộ và nhân dân Nguyễn Úy phải chịu những tổn thất, hy sinh to lớn để duy trì phong trào cách mạng, từng bước vươn lên làm thất bại âm mưu đen tối của kẻ thù.

Thắng lợi của khởi nghĩa giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám và góp phần đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp bắt nguồn từ sự lãnh đạo của Đảng, của Xứ ủy, Liên Tỉnh ủy C và Huyện ủy Kim Bông. Đó là



Ban chấp hành Đảng ủy xã Nguyễn Ủy Khóa 23



Ban thường vụ Đảng ủy xã Nguyễn Úy Khóa 23



*Hình ảnh Bà mẹ Việt Nam
Anh hùng và Anh hùng
lực lượng vũ trang :*

*Bà Dương Thị Cách
phong tặng Bà mẹ Việt Nam
Anh hùng 17-12-1994*



*Liệt sĩ Ngô Xuân Thu
Anh hùng lực lượng vũ trang*



Ngô Xuân Đệ Anh hùng lực lượng vũ trang

kết quả phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần cách mạng của nhân dân trong xã. Tin ở Đảng, một lòng một dạ đi theo Đảng, nhân dân Nguyễn Úy không kể già trẻ, gái trai, đoàn kết, tiếp tục chịu đựng hy sinh, mất mát, đóng góp to lớn sức người, sức của cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. (Trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ xã ta huy động 10% dân số vào bộ đội, thôn Thường Khê lên tới 13%).

Giờ đây, chiến tranh đã lùi xa, trong cơ chế thị trường, Nguyễn Úy cùng cả dân tộc đang phấn đấu vượt qua cửa ải đói nghèo. Phát huy truyền thống cách mạng, hơn 10 năm thực hiện đổi mới, những làng quê nghèo đói của Nguyễn Úy năm xưa đã đổi thay căn bản... Đảng bộ Nguyễn Úy với hơn 200 đảng viên không chỉ lo cái ăn, cái mặc cho dân, việc thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại nông nghiệp, nông thôn đang là điều trăn trở của Đảng bộ. Trong công cuộc đổi mới quê hương, đất nước, Đảng bộ và nhân dân Nguyễn Úy lại một lần nữa khẳng định niềm tin vào cách mạng, quyết tâm chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu. Nguyễn Úy đang lặng lẽ khẳng định vị trí của mình trong thời kỳ mới. Người lao động đang thể hiện tài năng sáng tạo và đức tính cần cù, chịu

thương, chịu khó. Đó là những yếu tố bảo đảm bước tiến bền vững trên con đường phát triển góp phần vào sự nghiệp đổi mới của toàn dân tộc.

Trách nhiệm lịch sử to lớn đòi hỏi Đảng bộ Nguyễn Úy phải tập trung trí tuệ, đoàn kết thống nhất phát huy nội lực, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, ra sức tạo nên sự chuyển biến thật mạnh mẽ, thực hiện bằng được 4 mục tiêu, 7 nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000, tạo thế và lực để xã ta vững bước tiến vào những năm đầu thế kỷ XXI, phấn đấu xây dựng Nguyễn Úy thành xã giàu đẹp.

PHẦN PHỤ LỤC

DANH SÁCH BÍ THƯ ĐẢNG BỘ QUA CÁC THỜI KỲ XÃ NGUYỄN ÚY

STT	HỌ VÀ TÊN	THÁNG NĂM
1	NGUYỄN VĂN NỐI	10/1948 - 1950
2	NGHÊ VĂN TỤNG	3/1950 - 11/1950
3	ĐOÀN THẾ HÙNG	1950
4	NGÔ VĂN THỨ	1951 - 1953
5	NGÔ VĂN HỨA	1954 - 1956
6	NGHÊ VĂN TÙY	1956 - 1959
7	NGUYỄN VĂN PHÔNG	10/1959 - 1964
8	NGUYỄN VĂN CÀNH	1965 - 1967
9	NGUYỄN VĂN VINH	1968
10	NGUYỄN VĂN HỨC	1969 - 1971
11	DƯƠNG VĂN HUYNH	1971 - 1978
12	DƯƠNG VĂN TỈNH	1978 - 8/1986
13	VŨ VĂN CƯỜNG	9/1986 - 12/1994
14	NGUYỄN HUY CẢN	1/1995

DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH UBND VÀ HĐND QUA CÁC THỜI KỲ XÃ NGUYỄN ÚY

STT	HỌ VÀ TÊN	THÁNG NĂM
1	TRẦN VĂN TÍCH	1948
2	NGUYỄN VĂN ẤT	1949
3	NGUYỄN VĂN TÂM	1949
4	NGÔ VĂN THƯ	1950 - 1951
5	NGUYỄN VĂN THẬM	1952 - 1953
6	NGÔ VĂN HỨA	1954 - 1956
7	NGUYỄN VĂN TUYNH	1956 - 1959
8	NGUYỄN VĂN CÀNH	1959 - 1963
9	NGUYỄN VĂN VINH	1963 - 1967
10	NGUYỄN VĂN HỨC	3/1967 - 1968
11	DƯƠNG VĂN HUYNH	1968 - 1971
12	DƯƠNG VĂN TỈNH	1971 - 1978
13	NGUYỄN VĂN NGỌC	1978 - 10/1986
14	VŨ VĂN CƯỜNG	11/1986 - 7/1987
15	TRẦN THÀNH LÂM	8/1988 - 1991
16	NGUYỄN TUẤN THANH	1991
17	PHẠM TIẾN HỌC	11/1994 (Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND xã)

DANH SÁCH BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

STT	HỌ VÀ TÊN	
1	DƯƠNG THỊ CÁCH	Phong tặng 17-12-1994

DANH SÁCH ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG

STT	HỌ VÀ TÊN	
1	NGÔ XUÂN DỆ	
2	NGÔ XUÂN THU	Liệt sỹ

DANH SÁCH LÃO THÀNH CÁCH MẠNG

STT	HỌ VÀ TÊN	
1	NGUYỄN VĂN NÓI	

DANH SÁCH GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI NƯỚC

STT	HỌ VÀ TÊN	
1	TRẦN THỊ TRAI	
2	NGUYỄN THỊ DẬU	

DANH SÁCH CÁC LIỆT SĨ XÃ NGUYỄN ÚY

STT	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
1	NGUYỄN ĐÌNH ÚY	Kháng chiến chống Pháp
2	NGÔ XUÂN THU	Liệt sỹ, Anh hùng LLVT - chống Mỹ
3	HOÀNG VĂN BÂN	Kháng chiến chống Pháp
4	NGUYỄN VĂN THÂM	Kháng chiến chống Pháp
5	NGUYỄN VĂN TUẤN	Kháng chiến chống Pháp
6	NGÔ VĂN BẤU	Kháng chiến chống Pháp
7	DƯƠNG VĂN DẪN	Kháng chiến chống Pháp
8	NGUYỄN VĂN TẤU	Kháng chiến chống Pháp
9	NGUYỄN VĂN BÔNG	Kháng chiến chống Pháp
10	PHẠM VĂN TÂM	Kháng chiến chống Mỹ
11	NGÔ VĂN TÌNH	Kháng chiến chống Pháp
12	NGÔ VĂN HỒNG	Kháng chiến chống Pháp
13	DẶNG VĂN KHOÁI	Kháng chiến chống Pháp
14	DƯƠNG VĂN THẨM	Kháng chiến chống Pháp
15	NGUYỄN VĂN TRUY	Kháng chiến chống Pháp
16	DẶNG VĂN TẤU	Kháng chiến chống Pháp
17	NGUYỄN VĂN CÁCH	Kháng chiến chống Pháp
18	DƯƠNG VĂN BÁT	Kháng chiến chống Pháp
19	NGUYỄN VĂN NHIẾP	Kháng chiến chống Pháp
20	NGUYỄN VĂN NGHĨA	Kháng chiến chống Pháp

STT	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
21	NGUYỄN VĂN NHƯỢC	Kháng chiến chống Mỹ
22	THÁI VĂN HÀ	Kháng chiến chống Mỹ
23	LÊ VĂN TÝ	Kháng chiến chống Mỹ
24	THÁI VĂN ĐỨC	Kháng chiến chống Mỹ
25	TRƯƠNG VĂN VIÊN	Kháng chiến chống Mỹ
26	DẶNG VĂN CÀNH	Kháng chiến chống Mỹ
27	ĐOÀN VĂN HÒA	Kháng chiến chống Mỹ
28	TRẦN VĂN CÂN	Kháng chiến chống Mỹ
29	ĐOÀN VĂN THÁI	Kháng chiến chống Mỹ
30	ĐOÀN THỊ THỦY	Kháng chiến chống Mỹ
31	NGHÊ QUANG VINH	Kháng chiến chống Mỹ
32	THÁI VĂN PHONG	Kháng chiến chống Tàu
33	ĐOÀN VĂN NHÂN	Kháng chiến chống Tàu
34	DẶNG VĂN VĨNH	Kháng chiến chống Mỹ
35	VŨ VĂN DIỆP	Kháng chiến chống Mỹ
36	ĐOÀN VĂN CƯỜNG	Kháng chiến chống Mỹ
37	ĐOÀN VĂN PHÀN	Kháng chiến chống Mỹ
38	DƯƠNG VĂN SỸ	Kháng chiến chống Mỹ
39	ĐOÀN VĂN SỞ	Kháng chiến chống Mỹ
40	TRẦN VĂN LƯỢNG	Kháng chiến chống Mỹ
41	NGUYỄN VĂN ĐỀ	Kháng chiến chống Tàu

STT	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
42	ĐOÀN VĂN CỐT	Kháng chiến chống Tàu
43	ĐẶNG VĂN NHÀN	Kháng chiến chống Mỹ
44	TRẦN VĂN THỰC	Kháng chiến chống Mỹ
45	ĐẶNG VĂN NHA	Kháng chiến chống Mỹ
46	NGUYỄN VĂN LẠNG	Kháng chiến chống Mỹ
47	NGUYỄN VĂN DU	Kháng chiến chống Mỹ
48	TRƯƠNG VĂN TIẾN	Kháng chiến chống Tàu
49	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	Kháng chiến chống Mỹ
50	NGUYỄN VĂN LUNG	Kháng chiến chống Mỹ
51	PHẠM VĂN NGHI	Kháng chiến chống Mỹ
52	ĐẶNG VĂN KHOÁT	Kháng chiến chống Mỹ
53	NGUYỄN VĂN TUYẾN	Kháng chiến chống Mỹ
54	LÊ MINH TÂM	Kháng chiến chống Mỹ
55	ĐẶNG VĂN LỘ	Kháng chiến chống Mỹ
56	ĐẶNG VĂN CÔN	Kháng chiến chống Mỹ
57	ĐỖ VĂN CHỈNH	Kháng chiến chống Mỹ
58	NGUYỄN VĂN HIẾN	Kháng chiến chống Mỹ
59	NGUYỄN VĂN PHẢ	Kháng chiến chống Mỹ
60	ĐỖ VĂN CÔN	Kháng chiến chống Mỹ
61	ĐẶNG VĂN DO	Kháng chiến chống Mỹ
62	NGUYỄN VĂN CHÍNH	Kháng chiến chống Mỹ

STT	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
63	DƯ VĂN LỘ	Kháng chiến chống Mỹ
64	NGUYỄN VĂN BỔNG	Kháng chiến chống Mỹ
65	TRẦN VĂN CƯƠNG	Kháng chiến chống Mỹ
66	VŨ VĂN LỤC	Kháng chiến chống Mỹ
67	TRẦN VĂN ĐẰNG	Kháng chiến chống Mỹ
68	TRẦN VĂN ĐỨC	Kháng chiến chống Mỹ
69	TRẦN VĂN DƯƠNG	Kháng chiến chống Mỹ
70	TRẦN VĂN ÚT	Kháng chiến chống Mỹ
71	NGUYỄN VĂN THỦY	Kháng chiến chống Mỹ
72	TRẦN VĂN TÍN	Kháng chiến chống Tàu
73	TRƯƠNG VĂN TIẾN	Kháng chiến chống Pháp
74	DƯƠNG VĂN TƯỚC	Kháng chiến chống Mỹ
75	DƯƠNG VĂN ĐỨC	Kháng chiến chống Mỹ
76	DƯƠNG VĂN ĐỊNH	Kháng chiến chống Tàu
77	TRẦN VĂN SANG	Kháng chiến chống Pháp
78	TẠ VĂN VỌNG	Kháng chiến chống Pháp
79	TRẦN VĂN MẠN	Kháng chiến chống Pháp
80	TRẦN VĂN NHÂN	Kháng chiến chống Pháp
81	NGUYỄN VĂN VIỆN	Kháng chiến chống Pháp
82	NGUYỄN VĂN UYÊN	Kháng chiến chống Pháp
83	LÊ VĂN TUY	Kháng chiến chống Pháp

STT	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
84	DƯ VĂN THỰ	Kháng chiến chống Pháp
85	NGUYỄN QUANG THÀNH	Kháng chiến chống Pháp
86	ĐẶNG VĂN HÙNG	Kháng chiến chống Mỹ
87	DOÀN VĂN GIA	Kháng chiến chống Pháp
88	NGUYỄN VĂN CHUNG	Kháng chiến chống Pháp
89	DƯƠNG VĂN PÁO	Kháng chiến chống Mỹ
90	DƯƠNG VĂN NHÂM	Kháng chiến chống Mỹ
91	LƯU QUỐC CHẤN	Kháng chiến chống Mỹ
92	DƯƠNG VĂN QUYỀN	Kháng chiến chống Mỹ
93	DƯƠNG VĂN HẢI	Kháng chiến chống Mỹ
94	TRƯƠNG CÔNG KHÁNG	Kháng chiến chống Mỹ
95	DƯƠNG XUÂN MỸ	Kháng chiến chống Mỹ
96	DƯƠNG VĂN TỊNH	Kháng chiến chống Mỹ
97	VŨ VĂN QUANG	Kháng chiến chống Mỹ
98	BÙI VĂN NGỌ	Kháng chiến chống Mỹ
99	DƯƠNG VĂN NHƯỢNG	Kháng chiến chống Mỹ
100	DƯƠNG VĂN HUN	Kháng chiến chống Mỹ
101	PHẠM VĂN KHOÁT	Kháng chiến chống Tàu
102	NGÔ XUÂN ĐẠC	Kháng chiến chống Mỹ
103	TRẦN VĂN KHÂM	Kháng chiến chống Mỹ
104	NGUYỄN VĂN NGỌC	Kháng chiến chống Mỹ

STT	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
105	NGÔ VĂN THƯỜNG	Kháng chiến chống Mỹ
106	PHAN VĂN NGÔN	Kháng chiến chống Mỹ
107	NGUYỄN MẠNH THÌN	Kháng chiến chống Mỹ
108	NGUYỄN VĂN LAI	Kháng chiến chống Mỹ
109	NGUYỄN VĂN TÚY	Kháng chiến chống Mỹ
110	PHẠM VĂN ÚY	Kháng chiến chống Mỹ
111	DƯƠNG VĂN QUANG	Kháng chiến chống Mỹ
112	DƯƠNG VĂN THỊNH	Kháng chiến chống Mỹ
113	NGÔ VĂN HIẾN	Kháng chiến chống Mỹ
114	NGUYỄN VĂN LIÊN	Kháng chiến chống Mỹ
115	NGUYỄN VĂN HIẾN	Kháng chiến chống Mỹ
116	NGUYỄN VĂN QUÝ	Kháng chiến chống Tàu
117	DƯƠNG VĂN LUẬN	Kháng chiến chống Tàu
118	NGÔ VĂN DÀM	Kháng chiến chống Mỹ
119	DƯƠNG VĂN BẦU	Kháng chiến chống Mỹ
120	DƯƠNG VĂN XÂY	Kháng chiến chống Mỹ
121	NGÔ VĂN NA	Kháng chiến chống Mỹ
122	ĐẶNG VĂN BÌNH	Kháng chiến chống Tàu
123	NGUYỄN VĂN SINH	Kháng chiến chống Mỹ
124	NGÔ VĂN MINH	Kháng chiến chống Mỹ
125	DƯƠNG VĂN CHUNG	Kháng chiến chống Mỹ

STT	HỌ VÀ TÊN	GHI CHÚ
126	NGUYỄN VĂN TỬ	Kháng chiến chống Mỹ
127	DƯƠNG HỒNG BÍCH	Kháng chiến chống Mỹ
128	DƯƠNG HỒNG CƠ	Kháng chiến chống Mỹ
129	DƯƠNG HỒNG TỬ	Kháng chiến chống Mỹ
130	DƯƠNG VĂN LOÁT	Kháng chiến chống Mỹ
131	NGUYỄN VĂN TRỌNG	Kháng chiến chống Mỹ
132	NGUYỄN VĂN ĐẠO	Kháng chiến chống Tàu
133	LÊ VĂN LỰC	Kháng chiến chống Tàu
134	DƯƠNG VĂN MẪU	Kháng chiến chống Mỹ
135	NGÔ VĂN NHỚ	Kháng chiến chống Mỹ
136	DƯƠNG VĂN TÂM	Kháng chiến chống Mỹ
137	NGÔ VĂN UY	Kháng chiến chống Mỹ
138	PHÂN VĂN CỨC	Kháng chiến chống Mỹ

DANH SÁCH THƯƠNG BỆNH BINH 3 THỜI KỲ

Số TT	HỌ VÀ TÊN	Số hạng	GHI CHÚ
1	TÂN VĂN THẮY	1	
2	ĐẶNG DÌNH HOAN	4	
3	THÁI VĂN TỶ	4	
4	NGUYỄN VĂN XUÂN	4	
5	NGUYỄN VĂN KHẢI	4	
6	DƯƠNG NGỌC CHÍNH	4	
7	DƯƠNG VĂN BẢO	2	
8	PHẠM VĂN BIỂU	2	
9	DƯƠNG VĂN VƯỢNG	4	
10	NGUYỄN VĂN THI	3	
11	PHAN VĂN PÍCH	4	
12	NGUYỄN VĂN TRÒN	4	
13	DƯƠNG BÁ DIỄN	4	
14	NGUYỄN VĂN LIÊU	1	
15	DƯƠNG VĂN KHOA	3	
16	LÊ VĂN DŨNG	2	
17	NGUYỄN VĂN MÍCH	4	
18	DƯƠNG VĂN BÌNH	2	
19	NGUYỄN THANH BA	4	
20	NGUYỄN NGỌC TUẤT	3	

Số TT	HỌ VÀ TÊN	Số hạng	GHI CHÚ
21	NGUYỄN VĂN NGỌC	2	
22	DẶNG VĂN BA	4	
23	HOÀNG VĂN BÁI	4	
24	DẶNG VĂN VIỆN	4	
25	NGUYỄN NGỌC TRÌNH	3	
26	NGUYỄN VĂN CẨM	2	
27	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	4	
28	DẶNG VĂN TOẢN	4	
29	NGUYỄN CAO KHẢI	4	
30	NGUYỄN VĂN THUẬN	4	
31	DẶNG VĂN LAI	4	Thương binh mất sức
32	DẶNG VĂN DỆ	4	Thương binh mất sức
33	ĐỖ DÌNH VẼ	4	Thương binh mất sức
34	TRẦN MẠNH HOÀN	4	Thương binh mất sức
35	TẠ KIM GIANG	4	Thương binh mất sức
36	DƯƠNG XUÂN THỊNH	B	Thương binh mất sức
37	DẶNG VĂN QUANG	4	Thương binh mất sức
38	TRẦN VĂN TÌNH	4	TB hưởng chế độ bệnh binh
39	NGÔ THANH TRANG	4	TB hưởng chế độ bệnh binh
40	NGUYỄN MINH VI	4	TB hưởng chế độ bệnh binh
41	DƯƠNG NGỌC LĨNH	3	TB hưởng chế độ bệnh binh

Số TT	HỌ VÀ TÊN	Số hạng	GHI CHÚ
42	NGUYỄN NGỌC LƯỢNG	3	TB hưởng chế độ bệnh binh
43	VŨ VĂN BẰNG	4	TB hưởng chế độ bệnh binh
44	NGUYỄN NGỌC XỨNG	3	TB hưởng chế độ bệnh binh
45	TRẦN KIM TUYẾN	4	TB hưởng chế độ bệnh binh
46	DƯƠNG VĂN THẮNG	4	TB hưởng chế độ bệnh binh
47	ĐẶNG VĂN CƯỜNG	4	TB hưởng chế độ bệnh binh
48	PHAN VĂN SINH	B.B	Bệnh binh chống Pháp
49	NGUYỄN MẠNH DÀO	B.B	Bệnh binh chống Pháp

NĂNG SUẤT LÚA QUA CÁC NĂM (TẠ/HA)

Năm	Vụ chiêm	Tổng sản lượng	Vụ mùa	Tổng sản lượng
1982			21,1	732,311
1983	24,2	813,302	19,77	683,755
1984	22,77	750,237	12,19	419,967
1985	25,25	833,809	1,36	64,279
1986	21,38	705,735		
1987	13,83	425,039	23,72	837,600
1988	40	1.219,100	16,87	529,420
1989	24,22	755,570	23,77	748,800
1990	34,88	1.215,900	27,69	870,555
1991	40	1.241,200	30	904,680

Năm	Vụ chiêm	Tổng sản lượng	Vụ mùa	Tổng sản lượng
1992	23,72	734,700	31,94	996,500
1993	40	1.399,600	41,02	1.476,700
1994	47,5	1.706,600	24,5	881,400
1995	50,55	1.823,000	41,36	1.484,300
1996	56,66	2.078,000	33,53	1.197,300
1997	55,91	1.985,830	42,47	1.519,327
1998	55,81	1.980,874	52,5	1.876,581

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời giới thiệu</i>	3
<i>Mở đầu</i> : Đôi nét về vùng quê và con người Nguyễn Úy	10
<i>Chương I</i> : Phong trào đấu tranh cách mạng ở Nguyễn Úy từ ngày thành lập Đảng đến cách mạng tháng Tám năm 1945...	20
<i>Chương II</i> : Nhân dân Nguyễn Úy tham gia xây dựng, củng cố chính quyền, góp phần hoàn thành nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân...	42
<i>Chương III</i> : Chi bộ lãnh đạo nhân dân góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược (1954 - 1975)	79
<i>Chương IV</i> : Đảng bộ lãnh đạo nhân dân Nguyễn Úy vừa xây dựng CNXH vừa góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại...	109
<i>Chương V</i> : Đảng bộ và nhân dân Nguyễn Úy góp phần cùng cả nước xây dựng CNXH (1976 - 1985)	130
<i>Chương VI</i> : Đảng bộ và nhân dân Nguyễn Úy trong sự nghiệp đổi mới (1986 - 2000)	149
<i>Kết luận</i>	177
<i>Phân phụ lục</i>	181

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ NGUYỄN ÚY
1930 - 1998

Chịu trách nhiệm xuất bản
BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY XÃ

Ban chỉ đạo sưu tầm biên tập

NGUYỄN HUY CẢN

Bí thư, Trưởng ban

PHẠM TIẾN HỌC

Phó bí thư

NGUYỄN TUẤN THANH

Phó bí thư, Chủ tịch UBND

Biên tập : **VŨ VĂN CÙNG**

Sưu tầm : **NGUYỄN TRẦN CỨU**

THÁI BÁ PHƯỢNG

DƯƠNG TRẦN KIÊM

Trình bày bìa : **DƯƠNG QUANG PHÍCH**

Ảnh : **VŨ THỊ THẠO**